HÔN NHÂN CẬN HUYẾT CỦA ĐỒNG BÀO DÂN TỘC BA-NA VÀ GIA-RAI Ở TỈNH GIA LAI

TS. Nguyễn Thị Kim Vân
Bảo tàng tỉnh Gia Lai

Tóm tắt: *Ba-na và Gia-rai là hai dân tộc tại chỗ ở tỉnh Gia Lai. Cùng với tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết vẫn còn khá phổ biến trong vùng đồng bào hai dân tộc thiểu số này của tỉnh Gia Lai. Trong đó, tình trạng hôn nhân cận huyết để lại hệ lụy nặng nề cho chính các gia đình liên quan, cho cộng đồng và sự phát triển của xã hội. Nghiên cứu từ thực tế tình trạng hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai cho thấy, khu vực diễn ra tình trạng này nặng nề nhất là nhóm Gia-rai Chor và Gia-rai Mthur (khu vực Cheo Reo) của người Gia-rai. Bài viết chỉ ra nguyên nhân của tình trạng này và đề xuất một số giải pháp giảm thiểu.*

Từ khóa*: Hôn nhân cận huyết, Ba-na, Gia-rai, tỉnh Gia Lai.*

Ngày nhận bài: 20/12/2018; ngày gửi phản biện: 27/12/2018; ngày duyệt đăng: 16/2/2019

1. Đặt vấn đề

Ba-na và Gia-rai là hai dân tộc thiểu số tại chỗ ở tỉnh Gia Lai. Đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 412.544 người Gia-rai, chiếm 29,5% trong tổng dân số và 168.388 người Ba-na, chiếm 12,05% dân số toàn tỉnh (Cục thống kê tỉnh Gia Lai, 2016). Cùng với tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết vẫn khá phổ biến trong hai dân tộc này. Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến tháng 6/2015, toàn tỉnh có 360 cặp vợ chồng kết hôn cận huyết; trong số này có 165 cặp tảo hôn. Sáu tháng đầu năm 2015, toàn tỉnh có 35 cặp kết hôn cận huyết trong đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2017, toàn tỉnh có 50 cặp vợ chồng là người dân tộc thiểu số vi phạm hôn nhân cận huyết (Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai, 2017). Tình trạng hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung, người Ba-na và Gia-rai nói riêng đã để lại hệ lụy nặng nề cho chính các gia đình liên quan, cho cộng đồng và sự phát triển của xã hội. Từ nghiên cứu thực trạng hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Gia Lai, tác giả chỉ ra bộ phận cư dân còn tình trạng hôn nhân cận huyết nặng nề nhất, đồng thời làm rõ các nguyên nhân và một số giải pháp góp phần giảm thiểu tình trạng hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào Ba-na và Gia-rai ở tỉnh Gia Lai.

2. Thực trạng và hệ quả của hôn nhân cận huyết

2.1. Trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Gia Lai, khu vực có tình trạng hôn nhân cận huyết cao nhất hiện nay là vùng đồng bào Gia-rai thuộc hai nhóm địa phương Chor và Mthur

Tỉnh Gia Lai hiện có 17 huyện, thị xã, thành phố. Hai dân tộc tại chỗ có số dân đông nhất của tỉnh là Ba-na và Gia-rai cư trú ở hai vùng riêng biệt. Người Ba-na sinh sống tập trung ở vùng Đông Bắc của tỉnh này, tại các huyện Đak Đoa, Mang Yang, Kbang, Đak Pơ, Kông Chro. Phần còn lại, toàn bộ phía tây và tây nam của tỉnh gồm thành phố Pleiku, các huyện Chư Păh, Ia Grai, Chư Prông, Đức Cơ, Chư Sê, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa và thị xã Ayun Pa là khu vực cư trú của người Gia-rai. Theo thống kê của Ban Dân tộc tỉnh, trong số 50 cặp hôn nhân cận huyết trên địa bàn tỉnh năm 2017 thì riêng huyện Krông Pa đã chiếm 37 cặp, huyện Chư Sê - 5 cặp, Ayun Pa - 2 cặp và Phú Thiện - 2 cặp (Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai, 2017). Số liệu rà soát của Ban dân vận tỉnh Gia Lai cũng cho biết: từ năm 2015 đến tháng 8 năm 2017, toàn tỉnh có 88 cặp hôn nhân cận huyết thì có đến 28 cặp ở huyện Phú Thiện, 20 cặp ở huyện Ia Pa và 18 cặp ở huyện Krông Pa (đều là những huyện có người Gia-rai cư trú tập trung). Những con số này rất có thể còn chưa đầy đủ, nhưng đã chỉ ra rằng khu vực có tỷ lệ hôn nhân cận huyết cao nhất trong tỉnh là vùng đồng bào Gia-rai ở Cheo Reo (thuộc nhóm Chor và Mthur).

Huyện Krông Pa là vùng trọng điểm của tỉnh về hôn nhân cận huyết. Trong huyện này, xã Ia Rmok nằm về phía đông sông Ba là một địa danh đáng lưu tâm. Năm 2017, riêng xã này đã có 23 cặp người Gia-rai kết hôn cận huyết, trong đó các buôn như Nông Siu, Bhă, Jao, Blăk và Thiơl mỗi buôn có 3 cặp; buôn Dúi và buôn Blăi mỗi buôn 2 cặp; buôn Dan và buôn Kơ Nia, mỗi buôn 1 cặp (UBND xã Ia Rmok , 2017).

Ngày 24/5/2018, chúng tôi đến khảo sát tại buôn Djrông, xã Ia Dreh, huyện Krông Pa, một buôn có 148 hộ là người Gia-rai. Khi được hỏi về hôn nhân cận huyết, ông Nay Blă, sinh năm 1956, là Bí thư chi bộ kiêm trưởng ban công tác Mặt trận thôn cho biết: trong buôn, tình trạng hôn nhân cận huyết rất nhiều, có đến ¼ số hộ trong buôn thuộc diện hôn nhân cận huyết. Tuy nhiên, những năm gần đây tình trạng này có xu hướng giảm.

Siu H'Nhóe (thôn Bah Leng, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa) lấy chồng năm 2011, lúc mới 17 tuổi. Chồng Siu H'Nhóe là Rơmah Oang, con cậu ruột của H'Nhóe. Bà Rơmah H'Ngan - mẹ của Siu H'Nhóe nói: "Con gái mình đến tuổi thì lấy chồng. Thấy hai đứa tìm hiểu nhau, yêu nhau nhưng bố mẹ không phản đối. Mình cũng biết chúng nó là con chị lấy con em, nhưng đã khác họ rồi, không sao cả". Ở xã Ia Trôk (huyện Ia Pa), Rơchâm H'Uk (sinh năm 2002), năm 2016 khi đang là học sinh lớp 8 thì H'Uk bỏ học lấy chồng là Ksor Âu (sinh năm 1999), ở buôn Tông Sê. H'Uk và Âu là chị em con cô - con cậu. Bố đẻ của Âu là em trai của mẹ đẻ H'Uk. Sau cuộc hôn nhân này, dì ruột Âu đã trở thành mẹ vợ của em (Đinh Yến, 2016).

Ở buôn Chư Jú, xã Ia Rsai cũng có vài cặp hôn nhân cận huyết mà chồng và vợ là anh em họ của nhau trong phạm vi trực hệ đời thứ ba. Hiao Ya Ly và Kpăh Rúi là một ví dụ. Năm 2010, khi chưa đầy 16 tuổi, Ya Ly đã "bắt" Rúi về làm chồng. Rúi là con trai của bà Kpăh H'Chem, là chị gái ruột của bố Ya Ly - ông Kpăh Ơm (ma Khương).

Vợ chồng Rơ Ô Hiên và Rah Lan Liu cũng có mối quan hệ họ hàng rất gần gũi. Rơ Ô Hiên là con của ông Rah Lan Tem, còn Liu (chồng Hiên) là con chị gái của bố Hiên - bà Rah Lan H'Blú. Vợ chồng Hiên - Liu có 3 đứa con, đứa lớn năm nay chuẩn bị vào lớp 7, đứa giữa sắp vào lớp 6 và con út học mẫu giáo trường làng (Lê Hòa, 2014).

Theo thống kê của Đinh Yến trong bài *Hôn nhân cận huyết ở Ia Pa: Nguyên nhân suy giảm chất lượng dân số*: "60% hộ gia đình đồng bào Gia-rai sinh sống trên địa bàn huyện Ia Pa đều là hôn nhân cận huyết" (Đinh Yến, 2011). Tuy nhiên, báo cáo của Phòng Dân tộc huyện này lại cung cấp một con số trái ngược: từ năm 2015 đến giữa năm 2017, trên địa bàn huyện chỉ có 20 trường hợp hôn nhân cận huyết (Phòng Dân tộc huyện Ia Pa, 2017). Điều này cũng phản ánh một thực tế là những vấn đề thuộc hủ tục thường không được phản ánh đầy đủ trong báo cáo của các cơ quan chức năng. Khi chúng tôi đi khảo sát thực tế, chính quyền địa phương (cấp xã, huyện) cũng không muốn cung cấp thông tin về vấn đề này.

2.2. Tình trạng hôn nhân cận huyết trong khu vực người Ba-na ít hơn so với khu vực người Gia-rai vì tội "loạn luân" bị luật tục Ba-na phạt rất nặng

Năm 2017, trong số 50 cặp vợ chồng là người dân tộc thiểu số ở tỉnh Gia Lai kết hôn cận huyết, thì người Gia-rai có 37 cặp và người Ba-na có 13 cặp. Trong số này, huyện Kbang có 2 cặp đều rơi vào xã Kon Pne (Phòng Tư pháp huyện Kbang, 2017) - một xã cách trung tâm huyện tới 80km và chỉ có vẻn vẹn 3 làng. Muốn đến được với các cộng đồng dân cư khác, đồng bào phải di chuyển hàng chục km.

Người Ba-na vốn không có họ. Cách để tộc người này xác nhận mối quan hệ dòng họ (*krung ktum* hay *ktum ktong*) là những người có chung một cặp ông bà gốc (*bok tơm - yă tơm*). Trong hôn nhân, những người họ hàng gần (*ktum gel*, 3 đời) tuyệt đối không được lấy nhau. Nếu vi phạm sẽ bị coi là loạn luân và phải chịu hình phạt rất nặng của cộng đồng. Những người có cùng ông bà cố (cụ), tức là cách 4 đời, nếu lấy nhau cũng phải thực hiện một nghi lễ để tạ tội với thần linh. Đồng bào tin rằng, nếu trong làng có hai người cùng dòng họ lấy nhau là vi phạm vào điều cấm kỵ của *yang*, làm cho ông trời (vị thần tối cao trong các thần linh của người Ba-na) nổi giận, cả cộng đồng có người loạn luân sẽ bị *yang* phạt, làm cho mưa nắng không thuận, làm nông thất bát, vật nuôi bị chết hoặc dịch bệnh đối với con người,...

Ở làng Kruối, xã Yang Bắc, huyện Đak Pơ, năm 2017, Đinh Bới và Đinh Thị Hát là cặp vợ chồng hôn nhân cận huyết (kết hôn ở đời thứ ba). Quan hệ của cặp đôi này được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:

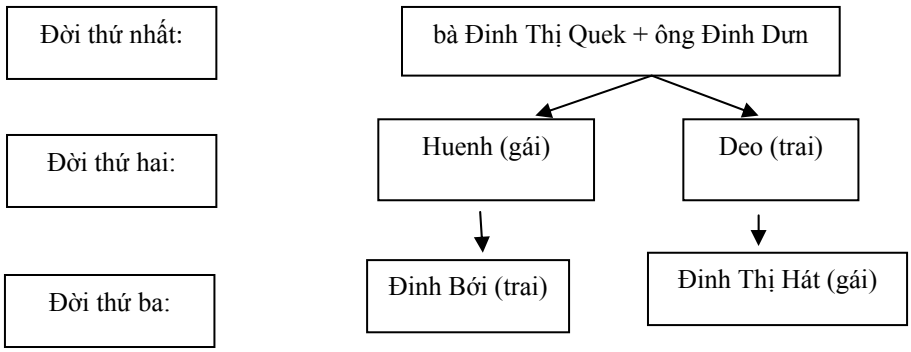

Do hai người là anh em có cùng ông bà (trong 1 *ktum gel*), nên theo luật tục cặp đôi này sẽ bị làng phạt 4 trâu[1] để cúng *yang* (thần linh). Khi biết được điều này, các ban ngành ở địa phương đã kịp thời vào cuộc đề nghị giảm mức phạt xuống ½ (chỉ còn phạt 2 con trâu). Tuy nhiên, đề nghị này của chính quyền địa phương không được những người trong dòng họ của hai gia đình chấp nhận, vì họ tin rằng nếu không nộp đủ số lễ vật để cúng *yang* thì cả cộng đồng và dòng họ sẽ bị thần linh trừng phạt. Qua thương lượng, mức phạt cuối cùng được thỏa thuận là 3 con trâu. Trước mắt, vì chưa có tài sản gì nên cặp vợ chồng trẻ được những người họ hàng giúp bằng cách cho mượn trâu để nộp phạt, sau này họ sẽ phải cố gắng làm ăn để trả lại số trâu này cho những người bà con của mình[2].

1.3. Hệ quả của hôn nhân cận huyết

Hôn nhân cận huyết ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng dân số, suy giảm giống nòi và chất lượng nguồn nhân lực. Nhiều nghiên cứu đã xác nhận, những trẻ em được sinh ra từ các cặp vợ chồng tảo hôn và hôn nhân cận huyết có tỷ lệ mắc các bệnh dị tật bẩm sinh, chậm phát triển, suy dinh dưỡng, tử vong sơ sinh cao hơn so với những đứa trẻ khác. Chẳng hạn, trong số những đứa trẻ được sinh ra từ các cặp vợ chồng hôn nhân cận huyết, có tới 25% khả năng bị bệnh và 50% mang gen bệnh tan máu bẩm sinh di truyền Thalassemia (Ủy ban Dân tộc, 2014).

Nhiều cặp đôi kết hôn cận huyết trong vùng đồng bào Ba-na, Gia-rai ở tỉnh Gia Lai đã phải gánh chịu những hệ lụy nặng nề: Siu H'Nhóe (thôn Bah Leng, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa) kết hôn cùng con của cậu ruột. Hai vợ chồng này cưới nhau hơn 5 năm, đã mấy lần mang thai nhưng mới chỉ sinh được 1 đứa con. Đứa bé hiện bị suy dinh dưỡng, thiếu cân và thường xuyên đau ốm. Có một thực tế ở Gia Lai là hầu hết những cặp kết hôn cận huyết cũng đồng thời là các trường hợp tảo hôn. Theo thống kê của Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh, phụ nữ

[1] Theo quy định của hầu hết các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, lễ vật từ lớn đến nhỏ được tính theo thứ tự: trâu, dê, heo (lợn), gà.
[2] Tư liệu do ông Đinh Vút (sinh năm 1960), làng Kruối, xã Yang Bắc - Chủ tịch Mặt trận xã Yang Bắc, huyện Đak Pơ cung cấp ngày 16/5/2018.

mang thai ở độ tuổi dưới 19 và trên 35 tuổi, tỷ suất chết mẹ là 58/1.000.000 ca sinh đẻ; trẻ sinh ra nhẹ cân (dưới 2.500 gam) chiếm 4,16% và trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 24,8%. Hiện nay, tỉnh Gia Lai đang triển khai mô hình "Nâng cao chất lượng dân số dân tộc ít người, giảm tỷ lệ tảo hôn, hôn nhân cận huyết" tại 20 xã, thị trấn thuộc các huyện: Ia Pa, Chư Pưh, Mang Yang, Kông Chro và Ia Grai. Ngoài mục đích góp phần giảm nhanh tỷ lệ tảo hôn và kết hôn cận huyết, việc triển khai mô hình còn nhằm giảm tỷ lệ trẻ em bị dị dạng, dị tật, bệnh tật... do hậu quả của việc mang thai và sinh đẻ trong lứa tuổi vị thành niên và hôn nhân cận huyết thống.

3. Độ chênh trong những quy định giữa luật tục Ba-na, Gia-rai với Luật Hôn nhân và Gia đình của Nhà nước về hôn nhận cận huyết

Trong *Luật Hôn nhân và Gia đình* năm 2014, một số khái niệm liên quan đến hôn nhân cận huyết được làm rõ: *những người cùng dòng máu về trực hệ* là những người có quan hệ huyết thống, trong đó người này sinh ra người kia kế tiếp nhau; *những người có họ trong phạm vi ba đời* là những người cùng một gốc sinh ra gồm cha mẹ là đời thứ nhất; anh, chị, em cùng cha mẹ, cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha là đời thứ hai; anh, chị, em con chú, con bác, con cô, con cậu, con dì là đời thứ ba (Quốc hội Việt Nam, 2014).

Đối chiếu với những quy định này, luật tục Ba-na và Gia-rai có một số khác biệt lớn:

i) Luật tục của người Gia-rai vùng Cheo Reo chấp nhận hôn nhân ngoại họ mẹ. Theo đó, những người có quan hệ họ hàng từ đời thứ ba trở đi có thể kết hôn (nếu không mang cùng một họ) với nhau.

Ở đây, *họ* không được tính theo hệ thống thân tộc, huyết thống, mà tính theo họ cụ thể của mỗi người như: Siu, Ksor, Nay, Rơmah, Rơchăm, Kpă, Puih, Rơ Ô, Hiao và Rahlan,... Như vậy, luật tục cấm những người mang cùng một họ kết hôn với nhau (ví dụ những người cùng mang họ *Nay* không được phép kết hôn, dù không có quan hệ huyết thống), nhưng lại cho phép tất cả các trường hợp mang họ khác nhau (nhưng có thể liên quan về huyết thống) có thể kết hôn. Như vậy, là dân tộc theo chế độ mẫu hệ nên con cái của người Gia-rai mang họ mẹ; vì vậy từ thế hệ thứ ba trở đi, chỉ trừ con của chị em gái là không được phép lấy nhau (vì vẫn còn mang chung một họ của mẹ: Nay, Ksor…); các trường hợp còn lại: con của anh em trai, con của anh trai - em gái, con của chị gái - em trai… đều được luật tục cho phép kết hôn, vì đã mang những họ khác nhau.

ii) Trong khu vực người Ba-na, nhiều cặp vợ chồng bị làng phạt rất nặng theo luật tục về tội agăm (loạn luân - hôn nhân cận huyết), nhưng xét theo luật pháp Nhà nước thì các trường hợp này đều đủ điều kiện kết hôn.

Người Ba-na vốn không mang một họ cụ thể nào. Mối quan hệ thân tộc của dân tộc này được xác định dựa trên mối quan hệ giữa các thành viên với một bà cố/cụ. Những người

họ hàng gần được xác nhận bởi cùng một *ktum*. Ông Đinh Pre - sinh năm 1962, hiện là Bí thư xã Ya Hội (huyện Đăk Pơ) cho biết: luật tục của người Ba-na không cho phép kết hôn giữa những người có họ hàng gần. Theo luật tục của người Ba-na vùng Ya Hội quy định mức phạt giảm dần theo mức độ quan hệ họ hàng của cặp đôi vi phạm. Cụ thể như sau:

- Vi phạm ở đời thứ hai: bị phạt 2 con trâu để cúng thần trời tại nhà rông (đối với những cặp chưa quan hệ tình dục). Nếu đã quan hệ tình dục thì mức phạt tăng lên gấp đôi (4 con trâu), và địa điểm phạt là tại bờ suối chứ không được đưa vào nhà rông.

- Vi phạm ở đời thứ ba: bị phạt 1 trâu để cúng thần trời tại nhà rông. Nếu đã có quan hệ tình dục thì mức phạt tăng lên gấp đôi. Địa điểm phạt là bờ suối.

- Vi phạm ở đời thứ tư: cúng heo để ông trời biết.

Ngoài ra, luật tục Ba-na cũng coi là *kết hôn trong họ hàng* đối với hai bên gia đình đã *có mối quan hệ thông gia từ trước*. Cụ thể là:

- Nếu hai gia đình, bên này có 2 anh em trai và bên kia có 2 chị em gái. Hai trường hợp có thể xảy ra:

+ Thứ nhất: Nếu cô chị bên này lấy người anh bên kia; cô em bên này lấy người em bên kia (tức là cặp lớn lấy nhau và cặp nhỏ lấy nhau) thì luật tục cho phép.

+ Thứ hai: nếu người anh bên này lấy cô em bên kia; còn cô chị bên kia lấy người em bên này thì luật tục không chấp nhận và phạt vì tội: *choang găl/choang hgăm*. Trong trường hợp thứ hai này, cặp kết hôn sau sẽ phải "đền" cho cặp kết hôn trước. Nếu được cặp trước chấp nhận thì cặp sau chỉ phải phạt dê, heo. Nhưng nếu cặp kết hôn trước không đồng ý thì có thể bắt cặp sau phạt trâu và dê.

- Hai bên là thông gia, nếu: 2 cô/chú hoặc cháu bên này lấy 2 cô/chú hoặc cháu bên kia (ngang hàng, trên lấy trên, dưới lấy dưới): bị phạt *choang thrui*. Đồng bào giải thích là trường hợp này phải "phạt theo phong tục vì sợ ông trời cười".

Một số trường hợp cụ thể:

1. Khoảng 8 giờ sáng ngày 18/5/2018, khi chúng tôi đến đầu làng Krối, xã Đak Smar, huyện Kbang thì thấy biểu tượng *cúng agăm* (là hình nộm một cặp nam nữ đang quan hệ tình dục, được làm bằng cây cỏ) vẫn còn tươi. Biết là lễ cúng vừa diễn ra, chúng tôi quay lại nhà rông của làng để tìm hiểu. Lúc này, trong nhà rông còn 5 người già đang uống rượu. Trong số này có bà Đinh Thị Thoi, 68 tuổi, là bà của cặp vợ chồng Đinh Thị Mái và Đinh Thước - vừa bị làng phạt hôm trước đó (ngày 17/5/2018) vì tội *agăm*. Sơ đồ quan hệ của cặp đôi này như sau:

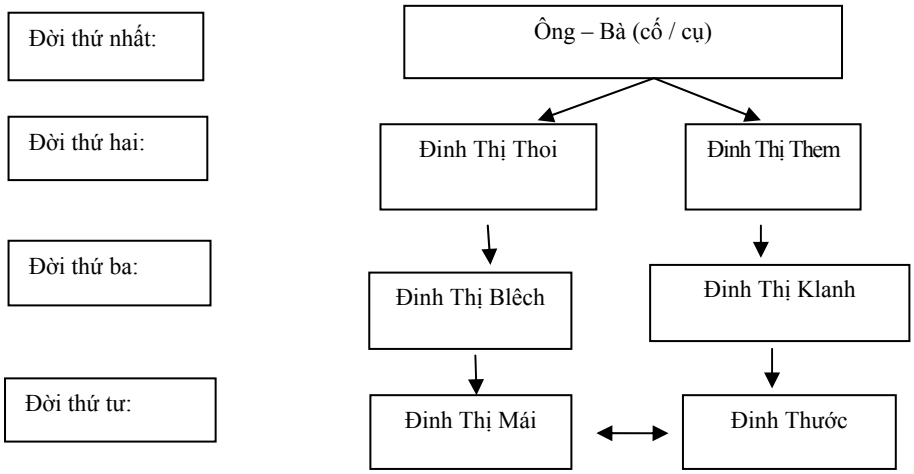

Theo luật tục, Mái và Thước là cùng *ktum* (cùng một bà cố theo dòng nữ), nên khi kết hôn họ bị làng phạt vì tội *agăm* (loạn luân). Lễ vật phạt gồm: 1 con trâu cúng ở nhà rông. Ngoài cổng làng, phía tay phải theo hướng từ trong làng ra phải cúng 1 con dê, 1 con heo và 1 con gà. Mục đích cúng là để cầu xin ông trời và thần mưa (*yang ami*) đừng phạt làm cho làng khô hạn, làm cho chuột, sóc... phá hoại, mùa màng thất bát, dân làng đói khổ.

Tuy vậy, xét theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì trường hợp này không bị coi là hôn nhân cận huyết, vì kết hôn ở đời thứ tư.

2. Anh Đinh Pre lấy vợ. Nhiều năm sau đó (1987), một người cháu (trai) của Pre (là con của anh trai Pre) kết hôn với con (gái) của em gái vợ Pre (cô gái này gọi vợ Pre là dì ruột). Theo luật tục, bố của Pre bắt vợ chồng đứa cháu phải phạt (*choang găl*) cho vợ chồng Pre 1 con trâu, 1 con dê, 1 con heo.

Nhưng xét theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là trường hợp được phép kết hôn vì hai đối tượng kết hôn sau (cháu của chồng và cháu của vợ) không có quan hệ huyết thống.

3. Ở làng Pơnang, xã Tú An, thị xã An Khê, năm 2009 có trường hợp bị làng phạt vì đồng bào quan niệm đây là hai cô cháu lấy nhau và hai bác cháu lấy hai chị em. Cụ thể là: Đinh Thê kết hôn với Đinh Blach; mẹ Blach là cô của cha Đinh Thê. Trước đó, bác của Thê là Đinh Bơi (sinh năm 1956) đã lấy chị của Blach, nên khi Thê lấy Blach là lấy em vợ của bác. Hai bác cháu Đinh Bơi và Đinh Thê bị làng phạt 1 dê, 1 gà và 1 ghè rượu để cúng yang tại nhà rông. Nếu xét theo luật pháp thì trong mối quan hệ này, cả hai cặp vợ chồng của bác và cháu đều không vi phạm Luật Hôn nhân và Gia đình vì hai mối quan hệ hôn nhân đều diễn ra từ đời thứ tư về sau.

4. Nguyên nhân của hôn nhân cận huyết

Thứ nhất, luật tục của người Gia-rai vùng Cheo Reo chấp nhận ngoại hôn dòng họ mẫu hệ. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất khiến hôn nhân cận huyết ở thế hệ thứ ba chiếm số lượng lớn trong tổng số các cặp hôn nhân cận huyết ở vùng đồng bào Gia-rai khu vực này. Trong hôn nhân, người Gia-rai và Ba-na thường tôn trọng phong tục, tập quán hơn cả luật pháp. Chỉ cần được sự đồng ý của những người đứng đầu trong làng, của cha mẹ hai bên, sự chứng kiến của gia đình, họ hàng và làng xóm là đôi trai gái có thể kết hôn (dù không được luật pháp công nhận). Tại buôn Rưng Ma Nhiu, xã Ia Rbol, thị xã Ayun Pa, Nay H'Lim (sinh năm 1978) được cha mẹ "bắt" chồng cho, chồng em sống tại tỉnh Đắk Lắk, tuy cách xa hàng trăm kilomet nhưng lại là con cô ruột của em (Bích Hương, 2017). Đối với người Gia-rai vùng Cheo Reo, những trường hợp như thế này được luật tục cho phép kết hôn, vì chồng H'Lim không mang cùng họ Nay với H'Lim.

Thứ hai, hôn nhân cận huyết thường diễn ra ở những gia đình, dòng họ giàu có, muốn giữ tài sản, không để của cải bị chuyển sang dòng họ khác. Ông Blă ở làng Djrông, xã Ia Dreh cho biết: "Đây là phong tục tập quán. Tôi cũng lấy con của cậu tôi. Cậu là em của mẹ tôi. Cậu tôi giàu của cải, giàu bò, nhà cửa rộng, cho con gái cưới tôi để tôi nuôi cậu, tôi được hưởng của cải đó. Không để tài sản sang tay dòng họ khác". Những khảo sát từ thực tế của chúng tôi cũng xác nhận điều này. Có nhiều gia đình ở vùng Cheo Reo, khi không bắt được con cái kết hôn với anh em họ như mong muốn, cha mẹ đã bán đi toàn bộ của cải, đất đai vì không muốn để tài sản do mình làm ra rơi vào tay dòng họ khác.

Thứ ba, không gian địa lý giữa các làng đồng bào Ba-na, Gia-rai thường cách xa nhau, giao thông cách trở cũng là một trở ngại cho thanh thiếu niên trong việc thiết lập các mối quan hệ tiền hôn nhân và hôn nhân giữa các cộng đồng dân cư khác nhau. Những năm đầu giải phóng, trong khu vực cư trú của người Ba-na, trên 100km^2 chỉ có 4,8 điểm dân cư; với người Gia-rai, số điểm cư trú trên 100km^2 có cao hơn, nhưng cũng chỉ là 7,2 điểm (Lưu Hùng, 1994, tr. 29). Ngày nay, cùng với sự gia tăng dân số, việc điều chỉnh các điểm dân cư theo quy hoạch có làm cho các điểm dân cư gần nhau hơn, nhưng về cơ bản ở vùng sâu, vùng xa, nhất là ở vùng đồng bào Gia-rai, tình trạng này vẫn không mấy cải thiện. Tại thời điểm hiện nay, từ làng Kon Bông (xã Đak Rong, huyện Kbang) đi đến làng gần nhất là Kon Trang cùng xã cũng phải mất 8km, trong điều kiện giao thông vẫn hết sức khó khăn. Xã Kon Pne (huyện Kbang) là một địa bàn hết sức cách biệt, cả xã chỉ có ba làng Ba-na nên muốn đến được với các cộng đồng dân cư khác, họ phải vượt qua hàng chục kilomet. Chính vì vậy, năm 2017 cả huyện Kbang có hai cặp hôn nhân cận huyết đều là người của xã này.

Thứ tư, nhận thức về hôn nhân cận huyết trong cán bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, dẫn đến chất lượng quản lý, tuyên truyền gặp khó khăn. Dù trong luật ghi rõ chỉ cấm kết hôn giữa các thành viên có quan hệ huyết thống trong 3 đời, nhưng không phải cán

bộ nào ở cấp xã cũng có thể phân tích được quan hệ như thế nào là 3 đời. Trên thực tế, Chủ tịch của một xã là người Gia-rai, khi cung cấp thông tin cho chúng tôi đã khăng khăng nói rằng: trên địa bàn ông quản lý có hai anh em ruột lấy nhau (tức là lấy nhau ở đời thứ hai). Tuy nhiên, khi hỏi và phân tích cặn kẽ, chúng tôi xác định được đó là trường hợp kết hôn ở đời thứ ba. Chính vì tình trạng cán bộ các thôn làng Ba-na, Gia-rai không phân biệt được thế nào là hôn nhân cận huyết (hiểu theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014) vẫn còn khá nhiều, nên hiệu quả tuyên truyền, can thiệp trong những trường hợp cụ thể không cao.

5. Kết luận và kiến nghị

Những năm qua, các cấp ủy đảng, tổ chức đoàn thể và chính quyền các cấp ở tỉnh Gia Lai đã có nhiều hành động thiết thực để hạn chế tình trạng hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào Gia-rai, Ba-na, nhưng kết quả mang lại chưa được như mong muốn. Để hạn chế tình trạng hôn nhân cận huyết, bên cạnh những giải pháp đã được các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể thực hiện trong giai đoạn vừa qua, thời gian tới cần:

i) Đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung này trong hệ thống trường học ở cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông (tuổi mà các em chuẩn bị kết hôn) và thanh thiếu niên vùng đồng bào dân tộc Ba-na, Gia-rai.

ii) Tuyên truyền trong cán bộ và nhân dân vùng đồng bào Gia-rai khu vực Cheo Reo về sự khác biệt giữa dòng họ theo huyết thống và các họ cụ thể của từng người, vì đây chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng hôn nhân cận huyết ở người Gia-rai tăng đột biến ở thế hệ thứ ba giữa con cô - con cậu, con chú - con bác ở vùng này.

iii) Tuyên truyền để đồng bào phân biệt được các thế hệ trong quan hệ dòng họ theo cách hiểu của pháp luật.

iv) Tuyên truyền sâu rộng trong vùng đồng bào Ba-na để cộng đồng không xử phạt những trường hợp hôn nhân được luật pháp cho phép như: có quan hệ dòng họ từ đời thứ tư trở đi; hôn nhân giữa hai bên có quan hệ thông gia.

iv) Các tổ chức đoàn thể cần tổ chức nhiều cuộc giao lưu giữa các thôn làng, những hoạt động lễ hội… để tạo điều kiện cho thanh niên các buôn làng người dân tộc thiểu số mở rộng quan hệ ngoài cộng đồng, làm tiền đề cho quan hệ hôn nhân.

v) Cải thiện điều kiện giao thông, thông tin cho các làng vùng sâu, vùng xa để các cộng đồng thuận tiện giao lưu, giảm thiểu tình trạng hôn nhân cận huyết.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa*

bàn tỉnh Gia Lai năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017, số 181 BC-BDT, ngày 20/4/2017.

2. Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện đề án "giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018*, số 714 BC-BDT, ngày 22/12/2017.

3. *Cục Thống kê tỉnh Gia Lai (2016)*, *Niên giám thống kê tỉnh Gia Lai năm 2015*.

4. *Lê Hòa (2014)*, *Hôn nhân cận huyết thống - Chuyện dài sau "lũy tre làng"*, trên trang http://baogialai.com.vn/channel/, truy cập ngày 4/8/2018.

5. Lưu Hùng (1994), *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*, Nxb. Văn hóa dân tộc.

6. Bích Hương (2017), *Đẩy lùi nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, trên trang http://baogialai.com.vn/channel/, truy cập ngày 4/8/2018.

7. Phòng Tư pháp huyện Kbang, *Phiếu báo cáo thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2017*.

8. Phòng Dân tộc huyện Ia Pa (2017), *Báo cáo tình hình tự tử và nạn tảo hôn, hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn*, số 24/BC-PDT, ngày 14/7/2017.

9. Quốc hội Việt Nam (2014), *Luật Hôn nhân và Gia đình*.

10. Ủy ban Dân tộc (2015), *Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*, ban hành theo Quyết định số 498/QĐ-TTg, ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

11. UBND xã Ia Rmok (2017), *Tình trạng hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn xã năm 2017*, Báo cáo ngày 5/12/2017.

12. Đinh Yến (2011), *Hôn nhân cận huyết thống ở Ia Pa: Nguyên nhân suy giảm chất lượng dân số*, trên trang http://baogialai.com.vn/channel/, truy cập ngày 4/8/2018.

13. Đinh Yến (2016), *Nhức nhối tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống*, trên trang http://hnch.ubdt.gov.vn/, truy cập ngày 4/8/2018.